

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**
Khóa học : **TC2025**
Bậc đào tạo : **Trung cấp chính quy 1.5 năm**
Ngày thi : **22/06/2026**

Học kỳ: **2**
Năm học: **2025**
Phòng thi: **Phòng A01**
Giờ thi: **13.30** Lần thi: **1**

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_01	Nguyễn Đức	An	123	1	5,2 Nam, Hui	Am		
2	002	25TQ1E_01	Trần Bình	An	124	1	5,5 Nam, Nam	Am		
3	003	25TQ1D_01	Trần Quốc	An	125	1	6,0 Sưu, Illing	Am		
4	004	25TQ1A_01	Võ Nguyễn Trường	An	126	1	6,0 Sưu, Illing	Am		
5	005	25TQ1E_02	Dương Quốc	Anh	127	1	8,4 Tam, bin	Am		
6	006	25TQ1B_02	Hoàng Ngọc	Anh	128	1	4,6 bin, Sưu	Am		
7	007	25TQ1D_02	Lê Tuấn	Anh	129	1	5,3 Nam, bu	Am		
8	008	25TQ1B_03	Nguyễn Đức	Anh	130	1	6,4 Sưu, bin	Am		
9	009	25TQ1B_04	Nguyễn Quốc	Anh	131	1	6,4 Sưu, bin	Am		
10	010	25TQ1A_02	Nguyễn Quốc	Anh	132	1	6,8 Sưu, Tam	Am		
11	011	25TQ1B_05	Trần Đức	Anh	133	1	4,8 bin, Tam	Am		
12	012	25TQ1E_03	Bùi Thiên	Bảo	134	1	5,8 Nam, Tam	Bao		
13	013	25TQ1F_02	Nguyễn Đào Chí	Bảo	135	1	7,0 Bay, Klung	Bao		
14	014	25TQ1E_04	Nguyễn Đức Huy	Bảo	136	1	6,2 Sưu, thi	Bao		
15	015	25TQ1A_03	Nguyễn Phan Gia	Bảo	137	1	7,2 Bay, thi	Bao		
16	016	25TQ1E_05	Nguyễn Quốc	Bảo	138	1	7,4 Bay, bin	Bao		
17	017	25TQ1E_06	Nguyễn Thanh Gia	Bảo	139	1	6,8 Sưu, Tam	Bao		
18	018	25TQ1E_07	Phạm Hoàng Gia	Bảo	140	1	4,6 bin, Sưu	Bao		
19	019	25TQ1D_06	Đinh Phạm Thanh	Bình	106	1	4,8 bin, Tam	Bao		
20	020	25TQ1F_03	Nguyễn Nhật	Chương	107	1	8,0 Tam, Illing	Bao		
21	021	25TQ1B_07	Lương Thành	Công	108	1	5,4 Nam, bin	Bao		
22	022	25TQ1B_08	Huỳnh Thế	Cường	109	1	7,6 Bay, Sưu	Bao		
23	023	25TQ1B_09	Lại Quốc	Cường	110	1	5,2 Nam, thi	Bao		
24	024	25TQ1D_07	Nguyễn Chí	Cường	111	1	5,1 Nam, Mior	Bao		
25	025	25TQ1A_05	Trần Chí	Cường	112	1	7,0 Bay, Illing	Bao		
26	026	25TQ1D_08	Võ Duy	Cường	113	1	6,8 Sưu, Tam	Bao		
27	027	25TQ1B_15	Đặng Ánh	Đặng	114	1	7,8 Bay, Tam	Bao		
28	028	25TQ1C_06	Nguyễn Nhựt	Đặng	115	1	4,8 bin, Tam	Bao		
29	029	25TQ1C_07	Trần Tấn	Đặng	116	1	4,8 bin, Tam	Bao		
30	030	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh	Danh	117	1	5,9 Bay, clung	Bao		
31	031	25TQ1B_10	Nguyễn Thành	Danh	118	1	7,8 Bay, Tam	Bao		
32	032	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn	Đạt	119	1	6,8 Sưu, Tam	Bao		
33	033	25TQ1B_14	Nguyễn Thành	Đạt	120	1	7,0 Bay, Illing	Bao		
34	034	25TQ1E_10	Thạch Bunc	Đavy	121	1	4,8 bin, Tam	Bao		

35	035	25TQ1F_09	Nguyễn Lê Phú	Điền	122	1	5,8	Năm, Tam	8
----	-----	-----------	---------------	------	-----	---	-----	----------	---

Tổng số: 35

Số sinh viên có mặt: 35..

Số sinh vắng mặt: 0, 0..

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Số bài thi: 35..

Số tờ giấy thi: 35..

Giám thị 1

Hermes
Trần Văn Hùng

Duyệt

V Trưởng khoa

Vũ Thành Việt

Giám thị 2

Thế
Dương Thị Hương

Thư ký khoa

Quân
Đoàn Thị Hương Giang

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A02

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	036	25TQ1B_16	Nguyễn Huy	Đức	20	1	5,2 Nam, thi	5,2	Nguyễn Huy Đức	
2	037	25TQ1B_11	Nay	Dung	21	1	5,9 Nam, thi	5,9	Nay Dung	
3	038	25TQ1C_03	Nguyễn Tiến	Dũng	22	1	5,7 Nam, thi	5,7	Nguyễn Tiến Dũng	
4	039	25TQ1E_11	Nguyễn Thành	Được	23	1	5,4 Nam, thi	5,4	Nguyễn Thành Được	
5	040	25TQ1C_04	Huỳnh Phong	Dương	24	1	4,5 Nam, thi	4,5	Huỳnh Phong Dương	
6	041	25TQ1C_05	Nguyễn Danh	Dương	25	1	5,5 Nam, thi	5,5	Nguyễn Danh Dương	
7	042	25TQ1B_12	Phùng	Dương	26	1	6,2 Nam, thi	6,2	Phùng Dương	
8	043	25TQ1E_08	Cao Nhật	Duy	27	1	3,9 Nam, thi	3,9	Cao Nhật Duy	
9	044	25TQ1F_04	Lê Ngọc	Duy	28	1	8,0 Nam, thi	8,0	Lê Ngọc Duy	
10	045	25TQ1D_10	Nguyễn Bảo	Duy	29	1	3,9 Nam, thi	3,9	Nguyễn Bảo Duy	
11	046	25TQ1E_09	Nguyễn Hà	Duy	30	1	4,5 Nam, thi	4,5	Nguyễn Hà Duy	
12	047	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật	Duy	31	1	5,9 Nam, thi	5,9	Nguyễn Nhật Duy	
13	048	25TQ1F_05	Nguyễn Trúc	Duy	32	1	9,0 Nam, thi	9,0	Nguyễn Trúc Duy	
14	049	25TQ1F_06	Phạm Đặng Khánh	Duy	33	1	6,6 Nam, thi	6,6	Phạm Đặng Khánh Duy	
15	050	25TQ1F_07	Phạm Thanh Hoài	Duy	34	1	8,5 Nam, thi	8,5	Phạm Thanh Hoài Duy	
16	051	25TQ1F_08	Phạm Trần Nhật	Duy	35	1	4,8 Nam, thi	4,8	Phạm Trần Nhật Duy	
17	052	25TQ1A_56	Nguyễn Đình	Hào	01	1	8,0 Nam, thi	8,0	Nguyễn Đình Hao	
18	053	25TQ1F_10	Nguyễn Minh	Hào	02	1	5,5 Nam, thi	5,5	Nguyễn Minh Hao	
19	054	25TQ1F_11	Nguyễn Nhựt	Hào	03	1	5,8 Nam, thi	5,8	Nguyễn Nhựt Hao	
20	055	25TQ1E_12	Trương Nhật	Hào	04	1	6,2 Nam, thi	6,2	Trương Nhật Hao	
21	056	25TQ1B_17	Võ Anh	Hào	05	1	5,9 Nam, thi	5,9	Võ Anh Hao	
22	057	25TQ1F_12	Lê Văn	Hào	06	1	4,0 Nam, thi	4,0	Lê Văn Hao	
23	058	25TQ1A_08	Phạm Phúc	Hậu	07	1	6,6 Nam, thi	6,6	Phạm Phúc Hậu	
24	059	25TQ1E_13	Lê Chí	Hiếu	08	1	5,2 Nam, thi	5,2	Lê Chí Hiếu	
25	060	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí	Hiếu	09	1	4,8 Nam, thi	4,8	Phan Hoàng Chí Hiếu	
26	061	25TQ1B_19	Lê Văn Nhựt	Hòa	10	1	4,9 Nam, thi	4,9	Lê Văn Nhựt Hòa	
27	062	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến	Hoài	11	1	3,9 Nam, thi	3,9	Nguyễn Tiến Hoài	
28	063	25TQ1E_15	Huỳnh Huy	Hoàng	12	1	4,6 Nam, thi	4,6	Huỳnh Huy Hoàng	
29	064	25TQ1A_55	Lê Minh	Hoàng	13	1	4,7 Nam, thi	4,7	Lê Minh Hoàng	
30	065	25TQ1B_18	Thái Huy	Hoàng	14	1	5,9 Nam, thi	5,9	Thái Huy Hoàng	
31	066	25TQ1A_09	Lê Ngọc	Huân	15	1	7,5 Nam, thi	7,5	Lê Ngọc Huân	
32	067	25TQ1B_23	Đào Duy	Hùng	16	1	4,5 Nam, thi	4,5	Đào Duy Hùng	
33	068	25TQ1E_19	Hà Hoàng	Hưng	17	1	6,0 Nam, thi	6,0	Hà Hoàng Hưng	
34	069	25TQ1C_08	Huỳnh Lê Xuân	Huy	18	1	4,6 Nam, thi	4,6	Huỳnh Lê Xuân Huy	

35	070	25TQ1B_21	Lâm Trần Hoàng	Huy	19	1	5,4	Văn Bội	13
----	-----	-----------	----------------	-----	----	---	-----	---------	----

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 35
Số sinh vắng mặt: 00

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2026

Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

Giám thị 1


Nguyễn Thanh Hiệp

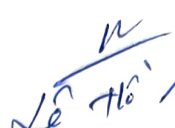
Duyệt

Trưởng khoa

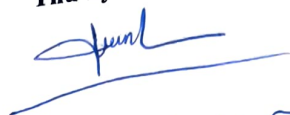


Võ Thanh Kiệt

Giám thị 2


Lê Hồ Ý Nhi

Thư ký khoa



Quản Chi Quế Trang

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Vẽ điện
Khóa học : TC2025
Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm
Ngày thi : 22/06/2026

Học kỳ: 2
Năm học: 2025
Phòng thi: Phòng A04
Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

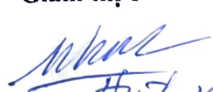
STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	071	25TQ1E_16	Nguyễn Khắc	Huy	87	1	7,4 Bảy Bốn			
2	072	25TQ1C_09	Tăng Gia	Huy	88	1	6,6 Sáu Sáu			
3	073	25TQ1E_17	Đặng Hoàng	Huỳnh	89	1	7,6 Bảy Sáu			
4	074	25TQ1B_22	Lý	Huỳnh	90	1	6,6 Sáu Sáu			
5	075	25TQ1E_18	Nguyễn Khánh	Huỳnh	91	1	8,8 Tám Tám			
6	076	25TQ1A_10	Bạch Hoàng	Kha	92	1	8,0 Tám Không			
7	077	25TQ1A_11	Đào Minh	Kha	93	1	4,7 Bốn Bảy			
8	078	25TQ1B_24	Đỗ Văn	Kha	94	1	6,4 Sáu Bốn			
9	079	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ	Kha	95	1	7,6 Bảy Sáu			
10	080	25TQ1F_14	Trần Nguyên	Kha	96	1	6,6 Sáu Sáu			
11	081	25TQ1C_11	Bùi Minh	Khải	97	1	6,6 Sáu Sáu			
12	082	25TQ1D_17	Lê Trần Nguyên	Khang	98	1	6,8 Sáu Tám			
13	083	25TQ1B_25	Nguyễn Công	Khang	99	1	6,4 Sáu Bốn			
14	084	25TQ1B_26	Nguyễn Doãn Hữu	Khang	100	1	5,9 Năm Chín			
15	085	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc	Khang	101	1	6,8 Sáu Tám			
16	086	25TQ1E_20	Nguyễn Tuấn	Khang	102	1	6,2 Sáu Hai			
17	087	25TQ1C_10	Nguyễn Văn	Khang	103	1	6,6 Sáu Sáu			
18	088	25TQ1F_15	Nguyễn Văn Vịnh	Khang	104	1	6,8 Sáu Tám			
19	089	25TQ1F_16	Võ Duy	Khang	105	1	6,4 Sáu Bốn			
20	090	25TQ1E_21	Võ Duy	Khang	71	1	7,4 Bảy Bốn			
21	091	25TQ1E_22	Nguyễn Việt	Kháng	72	1	6,4 Sáu Bốn			
22	092	25TQ1D_19	Ngô Duy	Khanh	73	1	7,0 Bảy Không			
23	093	25TQ1E_23	Nguyễn Anh	Khoa	74	1	7,0 Bảy Không			
24	094	25TQ1E_24	Nguyễn Đức Anh	Khoa	75	1	7,0 Bảy Không			
25	095	25TQ1E_25	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	76	1	7,7 Bảy Bảy			
26	096	25TQ1F_17	Võ Anh	Khoa	77	1	7,2 Bảy Hai			
27	097	25TQ1A_13	Hồ Đăng	Khôi	78	1	6,6 Sáu Sáu			
28	098	25TQ1D_20	Nguyễn Đặng Trọng	Khôi	79	1	5,0 Năm Không			
29	099	25TQ1D_21	Nguyễn Minh	Khôi	80	1	6,8 Sáu Tám			
30	100	25TQ1E_26	Vương Nhật	Khôi	81	1	6,6 Sáu Sáu			
31	101	25TQ1A_14	Trần Võ Đăng	Khương	82	1	6,6 Sáu Sáu			
32	102	25TQ1A_15	Nguyễn Trung	Kiên	83	1	6,6 Sáu Sáu			
33	103	25TQ1A_16	Nguyễn Trung	Kiên	84	1	6,6 Sáu Sáu			
34	104	25TQ1E_27	Khuru Tuấn	Kiệt	85	1	7,6 Bảy Sáu			

35	105	25TQ1C_15	Lê Anh	Kiệt	86	1	Giáo Sư Sưu	12
					Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026			

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 35.
Số sinh vắng mặt: 0..

Số bài thi: 35.
Số tờ giấy thi: 35..

Giám thị 1


Nguyễn Văn Quốc Khẩn

Duyệt

P. Trưởng khoa


Võ Thanh Việt

Giám thị 2


Võ Thanh Nhàn

Thư ký khoa


Phan Thị Quế Hương

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	106	25TQ1D_23	Nguyễn Tuấn	Kiệt	157	1	5,8 Nam, Tạm	5		
2	107	25TQ1E_28	Ninh Tuấn	Kiệt	158	1	6,0 Sáu, Chung	6		
3	108	25TQ1B_27	Trần Anh	Kiệt	159	1	5,8 Nam, Tạm	5		
4	109	25TQ1A_17	Lương Thanh	Lâm	160	1	4,4 Bm, Bm	4		
5	110	25TQ1C_16	Nguyễn Thân	Lân	161	1	5,0 Nam, Chung	5		
6	111	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê	Lê	162	1	2,8 thi, Tạm	3		
7	112	25TQ1D_24	Lê Hoàng	Lên	163	1	4,2 Bm, thi	4		
8	113	25TQ1B_28	Nguyễn Xuân	Lộc						lặng
9	114	25TQ1D_26	Phùng Xuân	Lộc	164	1	4,6 Bm, Sáu	4		
10	115	25TQ1F_19	Huỳnh Nguyễn Tấn	Lợi	165	1	4,4 Bm, Bm	4		
11	116	25TQ1D_27	Nguyễn Tấn	Lợi	166	1	4,0 Bm, Chung	4		
12	117	25TQ1D_25	Vô Thành	Long	167	1	5,0 Nam, Chung	5		
13	118	25TQ1F_20	Nguyễn Võ Minh	Luân	168	1	5,5 Nam, Nam	5		
14	119	25TQ1C_17	Vô Thành	Luân	169	1	4,9 Bm, Chung	5		
15	120	25TQ1B_29	Liêu Huỳnh Lê	Luận	170	1	6,4 Sáu, Bm	6		
16	121	25TQ1A_18	Lê Thị Ngọc	Mai	171	1	6,8 Sáu, Tạm	6		
17	122	25TQ1A_19	Chu Lê Trà	Mi	172	1	6,0 Sáu, Chung	6		
18	123	25TQ1F_21	Nguyễn Duy	Minh	173	1	4,6 Bm, Sáu	4		
19	124	25TQ1C_18	Trần Nhật	Minh	141	1	4,9 Bm, Chung	5		
20	125	25TQ1D_28	Trần Quang	Minh	142	1	4,6 Bm, Sáu	4		
21	126	25TQ1C_19	Bùi Văn	Nam	143	1	5,0 Nam, Chung	5		
22	127	25TQ1F_22	Châu Thành	Nam	144	1	4,8 Bm, Tạm	4		
23	128	25TQ1C_20	Nguyễn Hoài	Nam	145	1	5,8 Nam, Tạm	5		
24	129	25TQ1A_20	Nguyễn Hoàng	Nam	146	1	8,8 Tạm, Tạm	8		
25	130	25TQ1A_21	Nguyễn Hoàng	Nam	147	1	8,0 Tạm, Chung	8		
26	131	25TQ1F_23	Trần Đức	Nam	148	1	5,2 Nam, thi	5		
27	132	25TQ1A_22	Lê Trọng	Nghĩa	149	1	5,0 Bm, Chung	5		
28	133	25TQ1C_21	Nguyễn Thành	Nghĩa	150	1	5,0 Nam, Chung	5		
29	134	25TQ1A_23	Nguyễn Minh	Ngọc	151	1	5,4 Nam, Bm	5		
30	135	25TQ1C_23	Đào	Nguyễn	152	1	4,4 Bm, Bm	4		
31	136	25TQ1A_24	Nguyễn Đình	Nguyễn	153	1	4,8 Bm, Tạm	4		
32	137	25TQ1D_29	Trần Tuấn	Nguyễn	154	1	4,8 Bm, Tạm	4		
33	138	25TQ1B_31	Vô Đình	Nguyễn	155	1	6,4 Sáu, Bm	6		
34	139	25TQ1C_25	Nguyễn Chí	Nguyễn	156	1	6,0 Sáu, Chung	6		

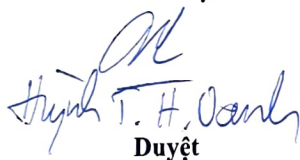
35	140	25TQ1C_26	Đoàn Thanh	Nhã	114	1	6,6 Sáu, Sáu	Thao
36	141	25TQ1E_30	Lê Chí	Nhân	175	1	4,5 Bình, Nam	Thao
37	142	25TQ1A_25	Lê Nguyễn Hoàng	Nhân	176	1	8,8 Nam, Tam	Thao
38	143	25TQ1C_27	Nguyễn Hoàng	Nhân	177	1	5,2 Nam, Hai	Thao
39	144	25TQ1E_31	Nguyễn Thiện	Nhân	178	1	6,8 Sáu, Tam	Thao
40	145	25TQ1B_32	Võ Phạm Trọng	Nhân	179	1	5,2 Nam, Hai	Thao
41	146	25TQ1F_25	Huỳnh Bá	Nhấn	180	1	3,2 Hai, Hai	Thao
42	147	25TQ1A_26	Nguyễn Quang	Nhứt	181	1	3,9 Hai, Chấn	Thao
43	148	25TQ1C_28	Nguyễn Song	Pha	182	1	4,6 Bình, Sáu	Thao
44	149	25TQ1F_26	Lâm Hữu	Phát	183	1	2,6 Hai, Sáu	Thao
45	150	25TQ1F_27	Nguyễn Tấn	Phát	184	1	5,0 Bảy, Huỳnh	Thao
46	151	25TQ1D_30	Phan Thành	Phát	185	1	4,8 Bình, Tam	Thao
47	152	25TQ1D_31	Trương Đại	Phát	186	1	5,8 Nam, Tam	Thao
48	153	25TQ1A_27	Lưu Chấn	Phong	187	1	5,8 Bảy, Tam	Thao
49	154	25TQ1A_28	Nguyễn Thế	Phong	188	1	5,0 Bảy, Huỳnh	Thao
50	155	25TQ1C_29	Trần Đình	Phong	189	1	5,2 Nam, Hai	Thao

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

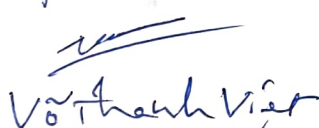
Tổng số: 50
Số sinh viên có mặt: 49
Số sinh vắng mặt: 01

Số bài thi: 49
Số tờ giấy thi: 49

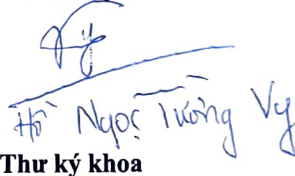
Giám thị 1


Huỳnh T. H. Oanh
Duyệt

f. Trưởng khoa


Võ Thanh Việt

Giám thị 2


Hồ Ngọc Tường Vy
Thư ký khoa


Phan L

Phan Thị Quỳnh Ngọc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Vẽ điện
Khóa học : TC2025
Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm
Ngày thi : 22/06/2026

Học kỳ: 2
Năm học: 2025
Phòng thi: Phòng A06
Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên		Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	156	25TQ1E_32	Dương Gia	Phú	54	1	6,2 Sáu, Hài	6,2 Sáu, Hài		
2	157	25TQ1C_30	Hồ Huỳnh Gia	Phú	55	1	5,0 Năm, Huỳnh	5,0 Năm, Huỳnh		
3	158	25TQ1C_31	Trần Hồ Ngọc	Phú	56	1	4,6 Bm, Sáu	4,6 Bm, Sáu		
4	159	25TQ1C_32	Đồng Lưu Bảo	Phúc	57	1	6,6 Sáu, Sáu	6,6 Sáu, Sáu		
5	160	25TQ1E_33	Hồ Hoàng	Phúc	58	1	6,6 Sáu, Sáu	6,6 Sáu, Sáu		
6	161	25TQ1F_28	La Trần Gia	Phúc	59	1	5,8 Ba, Tâm	5,8 Ba, Tâm		
7	162	25TQ1B_34	Nguyễn Hoàng Giao	Phúc	60	1	6,6 Sáu, Sáu	6,6 Sáu, Sáu		
8	163	25TQ1D_33	Lữ Minh	Quân	61	1	6,6 Sáu, Sáu	6,6 Sáu, Sáu		
9	164	25TQ1F_29	Nguyễn Cao	Quân	62	1	6,6 Sáu, Sáu	6,6 Sáu, Sáu		
10	165	25TQ1A_32	Nguyễn Minh	Quân	63	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		
11	166	25TQ1F_30	Trần Minh	Quân	64	1	7,8 Ba, Tâm	7,8 Ba, Tâm		
12	167	25TQ1C_34	Văn Việt	Quân	65	1	5,6 Ba, Sáu	5,6 Ba, Sáu		
13	168	25TQ1E_34	Hoàng Đăng	Quang	66	1	5,6 Ba, Sáu	5,6 Ba, Sáu		
14	169	25TQ1A_31	Lâm Nhật	Quang	67	1	6,0 Sáu, Huỳnh	6,0 Sáu, Huỳnh		
15	170	25TQ1B_35	Nguyễn Ngọc	Quý	68	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		
16	171	25TQ1B_36	Dương Hoàng Quý	Quốc	69	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		
17	172	25TQ1A_33	Đỗ Trọng	Quý	70	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		
18	173	25TQ1E_35	Thạch Lưu Minh	Quyền	86	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		
19	174	25TQ1C_35	Dương Bình	Sang	87	1	4,1 Bm, Mọt	4,1 Bm, Mọt		
20	175	25TQ1C_36	Nguyễn Thanh	Sang	88	1	4,5 Bm, Năm	4,5 Bm, Năm		
21	176	25TQ1B_37	Huỳnh Nguyễn Thái	Son	89	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		
22	177	25TQ1B_38	Nguyễn Thanh	Son	40	1	6,8 Sáu, Tâm	6,8 Sáu, Tâm		
23	178	25TQ1A_35	Phạm Tấn	Tài	41	1	4,5 Bm, Năm	4,5 Bm, Năm		
24	179	25TQ1B_39	Trần Phan Đức	Tài	42	1	5,0 Năm, Huỳnh	5,0 Năm, Huỳnh		
25	180	25TQ1C_37	Trần Tấn	Tài	43	1	4,8 Bm, Tâm	4,8 Bm, Tâm		
26	181	25TQ1A_36	Trần Tiến	Tài	44	1	4,4 Bm, Bm	4,4 Bm, Bm		
27	182	25TQ1D_37	Từ Tấn	Tài	45	1	6,0 Sáu, Huỳnh	6,0 Sáu, Huỳnh		
28	183	25TQ1C_38	Huỳnh Minh	Tâm	46	1	5,0 Năm, Huỳnh	5,0 Năm, Huỳnh		
29	184	25TQ1A_37	Nguyễn Ngọc	Tâm	47	1	8,0 Tâm, Huỳnh	8,0 Tâm, Huỳnh		
30	185	25TQ1B_40	Lý Thanh	Tân	48	1	4,2 Bm, Hài	4,2 Bm, Hài		
31	186	25TQ1D_38	Nguyễn Phúc	Tân	49	1	5,0 Năm, Huỳnh	5,0 Năm, Huỳnh		
32	187	25TQ1F_32	Lê Huỳnh Quang	Tân	50	1	5,0 Năm, Huỳnh	5,0 Năm, Huỳnh		
33	188	25TQ1C_40	Nguyễn Gia	Thái	51	1	4,9 Bm, Chuẩn	4,9 Bm, Chuẩn		
34	189	25TQ1B_43	Nguyễn Phong	Thái	52	1	6,4 Sáu, Bm	6,4 Sáu, Bm		

35	190	25TQ1A_38	Phạm Đình	Thái	53	1	16/4/2016	Bình	Đài
----	-----	-----------	-----------	------	----	---	-----------	------	-----

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 35
Số sinh vắng mặt: 0

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

Giám thị 1

[Signature]
Duyệt

Duyệt

P. Trưởng khoa

[Signature]
Võ Thanh Hòa

Giám thị 2

[Signature]
Nguyễn Thị Ngọc Nguyên

Thư ký khoa

[Signature]
Đan Thị Thuý Hằng

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ điện**

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A07

Ngày thi : 22/06/2026

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	191	25TQ1C_41	Phan Vĩ Thái	206	1	2,8 hời, Tam	Thái		
2	192	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc Thái	207	1	4,0 hời, hời	Thái		
3	193	25TQ1E_37	Dương Văn Hoàng Thắng	208	1	2,6 hời, Sai	Thái		
4	194	25TQ1F_34	Nguyễn Hiếu Thắng	209	1	4,4 hời, hời	Thái		
5	195	25TQ1C_39	Lâm Duy Thanh	210	1	3,8 hời, Tam	Thái		
6	196	25TQ1B_41	Nguyễn Chí Thanh	211	1	6,4 Sai, hời	Thanh		
7	197	25TQ1B_42	Phạm Chí Thanh	212	1	6,4 Sai, hời	Thái		
8	198	25TQ1E_36	Phạm Nhựt Thanh	213	1	5,8 Nam, Tam	Thái		
9	199	25TQ1F_33	Đỗ Đạt Thành	214	1	5,4 Nam, hời	Thái		
10	200	25TQ1D_40	Đỗ Tấn Thành	215	1	4,6 hời, Sai	Thái		
11	201	25TQ1A_39	Diệp Thị Trang Thảo	216	1	6,4 Sai, hời	Thái		
12	202	25TQ1C_42	Trần Thiện Thê	217	1	3,8 hời, Tam	Thái		
13	203	25TQ1E_38	Nguyễn Nhất Thiên	218	1	4,0 hời, hời	Thái		
14	204	25TQ1C_43	Nguyễn Trần Phước Thiên	219	1	5,4 Nam, hời	Thái		
15	205	25TQ1C_44	Ksor Thing	220	1	6,2 Sai, hời	Thái		
16	206	25TQ1C_45	Huỳnh Công Thịnh	221	1	5,2 Nam, hời	Thái		
17	207	25TQ1A_41	Lê Duy Thịnh	222	1	9,0 hời, hời	Thái		
18	208	25TQ1A_43	Lê Huỳnh Vũ Thịnh	223	1	5,0 Nam, hời	Thái		
19	209	25TQ1F_35	Đặng Huỳnh Anh Thư	190	1	8,0 Tam, hời	Thái		
20	210	25TQ1F_36	Đỗ Duy Thúc	191	1	4,8 hời, Tam	Thái		
21	211	25TQ1B_46	Châu Kiều Hoài Tín	192	1	6,4 Sai, hời	Thái		
22	212	25TQ1B_47	Trần Hoàng Minh Tính	193	1	5,2 Nam, hời	Thái		
23	213	25TQ1C_48	Đặng Xuân Toại	194	1	3,4 hời, hời	Thái		
24	214	25TQ1C_46	Huỳnh Gia Toàn	195	1	3,6 Sai, Sai	Thái		
25	215	25CS1A_48T	Nguyễn Phạm Minh Trí	196	1	5,4 Nam, hời	Thái		
26	216	25TQ1F_37	Lê Phát Triền	197	1	4,2 hời, hời	Thái		
27	217	25TQ1F_38	Hà Công Trọng	198	1	5,0 Nam, hời	Thái		
28	218	25TQ1A_45	Nguyễn Phú Trọng	199	1	3,8 Sai, Tam	Thái		
29	219	25TQ1C_49	Võ Thành Trọng	200	01	4,0 hời, hời	Thái		
30	220	25TQ1B_48	Huỳnh Quốc Trung	201	1	6,4 Sai, hời	Thái		
31	221	25TQ1A_47	Đỗ Quang Trường	202	1	4,2 hời, hời	Thái		
32	222	25TQ1D_41	Nguyễn Mạnh Trường	203	1	4,3 hời, Sai	Thái		
33	223	25TQ1D_42	Nguyễn Nhật Trường	204	1	5,2 Nam, hời	Thái		
34	224	25TQ1B_49	Nguyễn Nhựt Trường	205	1	6,4 Sai, hời	Thái		

35	225	25TQ1B_50	Nguyễn Trần Nhật	Trường	224	1	5,8 Năm, Tầm	Phu	
36	226	25TQ1B_51	Nguyễn Anh	Tú	225	1	6,0 Sáu, Uông	Phu	
37	227	25TQ1C_50	Đào	Tuấn	226	1	5,0 Năm, Uông	Phu	
38	228	25TQ1A_48	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	227	2	8,0 Tám, Uông	Phu	
39	229	25TQ1D_44	Trần Ngọc	Văn	228	1	6,2 Sáu, Hui	Văn	
40	230	25TQ1D_43	Nguyễn Thiên	Vạn	229	1	5,0 Năm, Uông	Phu	
41	231	25TQ1E_39	Dương Gia	Vĩ		0			Vắng
42	232	25TQ1F_41	Trần Lê Tuấn	Vĩ	230	1	6,0 Sáu, Uông	Phu	
43	233	25TQ1B_52	Nguyễn Quốc	Việt	231	1	4,9 Bốn, Chui	Phu	
44	234	25TQ1A_51	Trần Quốc	Việt		0			Vắng
45	235	25TQ1F_39	Nguyễn Đỗ Thanh	Vinh	232	1	5,8 Năm, Tầm	Phu	
46	236	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc	Vinh	233	1	5,3 Năm, Ba	Phu	
47	237	25TQ1D_45	Phan Thái	Vinh	234	1	5,8 Năm, Ba	Phu	
48	238	25TQ1F_40	Võ Quang	Vinh	235	1	6,6 Sáu, Sáu	Phu	
49	239	25TQ1F_42	Lâm Hoàng	Vũ	236	1	6,6 Sáu, Sáu	Phu	
50	240	25TQ1A_52	Phạm Hồ Khánh	Vũ	237	1	8,0 Tám, Uông	Phu	
51	241	25TQ1C_53	Lê Nguyễn Khang	Vỹ	238	1	4,7 Bốn, Bảy	Vỹ	
52	242	25TQ1A_53	Quách Bảo	Xuyên	239	1	5,0 Năm, Uông	Phu	
53	243	25TQ1B_54	Võ Tư	Ý	240	1	6,0 Sáu, Uông	Phu	

Tổng số: 53

Số sinh viên có mặt: 51.

Số sinh vắng mặt: 02.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi: 51.

Số tờ giấy thi: 52.

Giám thị 1

(Signature)

Duyệt

P. Trưởng khoa

Võ Thanh Việt

Giám thị 2

(Signature)
Đoàn Thị Thanh Trúc

Thư ký khoa

Phan Thị Thuý Hằng

DANH SÁCH MÔN THI - VẼ ĐIỆN

Khóa học: TC2025
Lần thi: 1

Hệ đào tạo: Trung cấp
13g30 ngày: 22/06/2026

Thi ghép 25TC HK2
Phòng thi: A.07

STT	SBD	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Phách	Số tờ	Điểm thi		Ký tên	Ghi chú
							. = số	. = chữ		
1	244	25TQ1A_54	Lê Chí	Lượng	241	1	4,3	Bình, Ba	Chen	bổ sung
2	245	25TQ1D_04	Nguyễn Trung	Anh	242	1	5,6	Bình, Sáu	Chen	bổ sung
3	246	24TQ1A_38	Trần Nguyên	Phúc	243	1	4,9	Bình, Chấn	Chen	
4	247	24TQ1A_44	Trần Quốc	Thông	Cấm thi do chưa đóng học phí học ghép					
5	248	24TQ1A_23	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	244	1	5,6	Bình, Sáu	Chen	
6	249	24TQ1A_19	Lê Quốc	Huy	245	1	4,0	Bình, Hùng	Chen	

Tổng số: 06 học viên

Tổng số học sinh có mặt: 5

Tổng số học sinh vắng mặt: 0

Ngày ... tháng ... năm

Số bài thi: 5

Số tờ giấy thi: 5

điểm quá trình
4,3
CÁN THI

Cán bộ coi thi 1
(Họ tên và chữ ký)

Ple
Nguyễn Ngọc Bình

Duyệt
Trưởng khoa
(Họ tên và chữ ký)

Cán bộ coi thi 2
(Họ tên và chữ ký)

Đoàn Lê Thanh Trúc
Thư ký khoa
(Họ tên và chữ ký)

Đoàn Lê Thanh Trúc
Đoàn Lê Thanh Trúc

CÁC HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI